

Bản án số: 33/2022/HSST

Ngày: 23/06/2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thu Thúy;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Lan; Ông Bùi Văn Khương.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Thư ký TAND huyện Nam Sách.

**- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đình Nghi, ông Phùng Văn Huân - Kiểm sát viên VKSND huyện Nam Sách.

Ngày 23/06/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 31/2022/HSST ngày 11/5/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST-HS ngày 08/6/2022 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Văn T,** sinh năm 1983;

ĐKKHKT: thôn H, xã Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương;

Chỗ ở: thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn P và bà Lê Thị M;

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất;

Vợ là: Triệu Thị L, có 3 con, con lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2019;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/01/2022 đến ngày 18/01/2022 chuyển tạm tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nam Sách.

Có mặt tại phiên toà.

**2. Bùi Tân A,** sinh năm 1991;

ĐKHKT và chỗ ở: xóm M, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Bùi Tân T1 và bà Bùi Thị T2;

Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư;

Bị cáo có 2 con, con lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 16/02/2012, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách xử phạt 45 tháng về tội Cướp giật tài sản, chấp hành xong bản án ngày 30/8/2013.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/01/2022 đến ngày 18/01/2022 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nam Sách.

Có mặt tại phiên toà.

*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T:* Ông Nguyễn Mạnh C – Luật sư – Văn phòng luật sư A – Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; Địa chỉ: Số 15 Q, TP H, tỉnh Hải Dương. Có mặt

*Bị hại:* Anh Phạm Đức H, sinh năm 1976 và chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981; Địa chỉ: P, Đ, N, Hải Dương. Vắng mặt.

*Người làm chứng:* Chị Lê Thị H1; Anh Nguyễn Văn T3 - Có mặt.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T cho rằng anh Phạm Đức H chơi cờ bạc bịp lừa tiền của mình nên có ý định đòi lại số tiền đã thua. T nói chuyện với Bùi Tân A về việc bị anh H đánh cờ bạc bịp lừa tiền, A nói phải đòi lại tiền. Ngày 07/9/2021, T và A đến nhà anh H, nói anh H trả tiền T nhưng anh H không thừa nhận đánh cờ bạc bịp và không đồng ý trả tiền, T và A đi về. Khoảng 20 giờ ngày hôm sau, T và A tiếp tục đến nhà anh H nhưng cổng khóa thì gặp chị Nguyễn Thị N (vợ anh H) và cháu Phạm Thị T4 (con anh H) tại cổng, A đe dọa chị N là yêu cầu anh H mang trả tiền cho T, nếu không trả thì đừng trách rồi đi về. Chị N sợ hãi nên nói chuyện với anh H, anh H nói

nhờ chị Lê Thị H1 là người cùng xã đi cùng chị N đến để nói chuyện với T. Ngày 09/9/2021, chị N cùng với chị H1 đến nhà trọ của T ở thôn P, xã Đ, huyện N để nói chuyện lý do tại sao T đòi tiền. Tại đây, T có lời nói đe dọa chị N *“có người can ngăn nếu không băm chết anh H cách đây 3 tháng rồi”* và *“em sẽ giết thằng H và sẽ giết cả vợ con nó. Đây là khẳng định của em”*, A có lời nói dọa chị N như: “mấy hôm nọ nếu bắt được anh H thì chặt gót lâu rồi, chia đôi mặt anh H nếu trả một nửa số tiền, yêu cầu phải trả đủ và trả ngay 180.000.000 đồng”. Chị N sau khi bị T, A đe dọa đã sợ hãi về nói chuyện với anh H để tìm cách trả tiền cho T. Do lo cho bản thân và vợ con nên anh H phải đi vay tiền đưa cho chị N để trả cho T. Ngày 10/9/2021, chị N đi cùng với chị H1 đến phòng trọ của T trả cho T số tiền 125.000.000 đồng, chị H nhận trả cho T 55.000.000 đồng vì trước đó chị H1 nợ tiền anh H (hôm sau thì chị H1 trả cho T 55.000.000 đồng). Khoảng 2-3 ngày hôm sau, anh H đến gặp xin lỗi thì T, A tiếp tục yêu cầu anh H phải trả 40.000.000 đồng tiền lãi của số tiền 180.000.000 đồng, do sợ hãi nên anh H phải đồng ý và đã trả cho T số tiền trên. Tổng số tiền T, A đã chiếm đoạt của anh H là 220.000.000 đồng. T cho A 10.000.000 đồng nhưng A không lấy mà nói chỉ đòi tiền giúp T. T đã sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân hết số tiền trên.

Ngày 09/01/2022, anh Phạm Đức H có đơn trình báo sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Sách. Ngày 13/01/2022, Nguyễn Văn T và Bùi Tân A có đơn xin đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình. Nguyễn Văn T tự nguyện giao nộp 01 USB bên trong có chứa đoạn video ghi lại diễn biến sự việc T, A đe dọa chị N yêu cầu anh H trả số tiền 180.000.000 đồng tại phòng trọ của T.

Tại Kết luận giám định số 333/C09-P6 ngày 17/01/2022 của Viện khoa học hình sự, Bộ công an kết luận: videonhathanh1.mp4 thời lượng 08 phút 09 giây; videonhathanh2.mp4 thời lượng 05 phút 58 giây; 01 file video 4756263995319800669.mp4 thời lượng 09 phút 09 giây được lưu trữ trong 01 USB nhãn hiệu Kingston. Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file video mẫu cần giám định.

Tại bản Cáo trạng số 32/CT-VKS-NS ngày 10/5/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Văn T, Bùi Tân A về tội Cường đoạt tài sản, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX: áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều

51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với Thành, An; áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với T; Tuyên bố Nguyễn Văn T, Bùi Tân A phạm tội Cường đoạt tài sản; Xử phạt: T từ 7 năm 3 tháng – 7 năm 6 tháng tù, A từ 7 năm – 7 năm 3 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T phải bồi thường cho bị hại số tiền 190.000.000đ; Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố các bị cáo là đúng, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo T trình bày: Về tội danh Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo, người bào chữa không có quan điểm tranh luận. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: sau khi phạm tội bị cáo T ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo bị tạm giam nhưng đã tác động đến gia đình để bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và 2 tình tiết tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trước đó bị cáo và bị hại có quan hệ tốt. Bị cáo phạm tội do nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo nhận thức rằng do bị hại chơi cờ bạc bịp lừa tiền mình nên có quyền đòi lại, nhưng cách thức đòi lại tiền của bị cáo là chưa phù hợp. Do đó đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo một cơ hội để sửa chữa sai lầm.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, tại đơn xin vắng mặt yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra – Công an huyện Nam Sách, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, biên bản làm việc, kết luận giám định và các tang vật chứng, có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 08/9/2021 đến ngày 12/9/2021, do cho rằng anh Phạm Đức H đánh cờ bạc bịp lừa tiền nên Nguyễn Văn T và Bùi Tân A liên tục có lời nói đe dọa sẽ dùng vũ lực uy hiếp tinh thần chiếm đoạt của anh Phạm Đức H, chị Nguyễn Thị N tổng số tiền 220.000.000 đồng.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc đe dọa sẽ sử dụng vũ lực, uy hiếp tinh thần của bị hại mục đích chiếm đoạt số tiền 220.000.000đ của họ là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ, các bị cáo cùng thống nhất và cùng thực hiện hành vi đe dọa nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại nên đều là người thực hành. Bị cáo T do nghĩ rằng anh H chơi cờ bạc bịp lừa tiền của mình đã nói chuyện với A sau đó cùng A sử dụng lời nói đe dọa làm cho anh H, chị N sợ hãi phải giao tiền và cầm toàn bộ số tiền chiếm đoạt được. Bị cáo A sau khi nghe T nói chuyện đã nói với T phải đi đòi lại tiền từ anh H và trực tiếp sử dụng lời nói đe dọa anh H, chị N. Do đó bị cáo T giữ vai trò cao hơn bị cáo A.

Về các tình tiết tăng nặng nhiệm hình sự của các bị cáo: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự nguyện ra đầu thú, bị hại xin giảm hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T đã tác động để gia đình nộp tiền vào Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách để bồi thường khắc phục hậu quả nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về nhân thân bị cáo T chưa có tiền án tiền sự, bị cáo A đã một lần bị xử lý hình sự về

hành vi Cướp giết tài sản, mặc dù đã được xoá án tích và được coi như chưa phạm tội tuy nhiên qua đó vẫn đánh giá về ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo.

Trong vụ án này mặc dù bị cáo T giữ vai trò cao hơn nhưng lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn bị cáo A nên HĐXX áp dụng mức hình phạt đối với hai bị cáo là ngang nhau.

Xét tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo buộc các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật Hình sự có quy định về hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên hội đồng xét xử không phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phạm Đức H, chị Nguyễn Thị N yêu cầu các bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 220.000.000đ. HĐXX xét thấy mặc dù các bị cáo đồng phạm chiếm đoạt số nêu trên nhưng bị cáo T là người cầm và sử dụng toàn bộ số tiền đó. Tại phiên toà bị cáo T xác định sẽ có trách nhiệm bồi thường toàn bộ cho bị hại, không yêu cầu bị cáo A phải cùng bồi thường. Quá trình chuẩn bị xét xử gia đình bị cáo T đã nộp thay bị cáo số tiền 30.000.000đ vào Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách để bồi thường cho bị hại. Do đó buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh H, chị N số tiền 220.000.000đ đối trừ với số tiền 30.000.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách, bị cáo còn phải bồi thường 190.000.000đ.

[7] Đối với hành vi đánh bạc của Nguyễn Văn T cùng với anh Phạm Đức H và một số đối tượng khác. Hành vi yêu cầu anh Phạm Đức H trả số tiền 20.000.000 đồng của anh Nguyễn Quang T1, sinh năm 1984, trú quán thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Sách đang tiếp tục xác minh, giải quyết trong vụ án khác là phù hợp.

Đối với chị Triệu Thị L - vợ của bị cáo T mặc dù có nghe thấy các bị cáo đe dọa chị N nhưng không được bàn bạc, không tham gia với các bị cáo và đã có hành vi khuyên can bị cáo T nên không đồng phạm với các bị cáo và không đặt ra xem xét xử lý là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Thành còn phải chịu án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[9] Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 170, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Thành, Bùi Tân An. Áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Thành.

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn T, Bùi Tân A** phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T **7 (Bảy) năm** tù, thời gian tính từ ngày tạm giữ 13/01/2022;

Bị cáo Bùi Tân A **7 (Bảy) năm** tù, thời gian tính từ ngày tạm giữ 13/01/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Phạm Đức H, chị Nguyễn Thị N số tiền 220.000.000đồng (*Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn*); bị cáo đã bồi thường 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng chẵn*), theo biên lai thu số AA/2020/0002349 ngày 09/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách; còn phải bồi thường 190.000.000đ (*Một trăm chín mươi triệu đồng chẵn*).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất chậm trả được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc bị cáo T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 9.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị cáo A phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời

hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt đường quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Nam Sách;
- Cơ quan điều tra - CA huyện Nam Sách;
- Cơ quan THAHS – CA huyện;
- Bộ phận HSNV – CA huyện;
- VKS tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh HD;
- Chi cục THA huyện Nam Sách;
- UBND xã H, huyện T;
- UBND xã T, TP H;
- Trại tạm giam Công an tỉnh HD;
- Bị cáo; Người bào chữa
- Bị hại;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
( Đã ký)**

**Đoàn Thị Thu Thúy**